

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2021/DSST

Ngày: 30/11/2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đô và bà Hồ Thị Thu Uyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 166/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 200/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Minh T, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 03, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 03, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021, lời khai của bà Trương Thị Minh T có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa:

Bà Trương Thị Minh T là đại lý bán phân bón, trong quá trình mua bán phân bón ông Trần Văn C có mua bán phân bón của bà T và nợ tiền cụ thể: Ngày 24/4/2016, ông Trần Văn C nợ bà T số tiền 34.580.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 24/12/2016; ngày 09/10/2017 ông C tiếp tục mua phân bón với số tiền 27.500.000 đồng, tiếp đó đến ngày 14/5/2018 ông C tiếp tục mua bán phân bón với số tiền 32.500.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 14/12/2018, các bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, hai bên có lập giấy xác nhận nợ có chữ ký

của ông Trần Văn C. Tuy nhiên, đến hạn ông C không thanh toán cho bà T. Vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu ông C phải trả số tiền còn nợ trên và lãi suất của số tiền 34.580.000 đồng nợ ngày 24/4/2016 với mức 0,75%/tháng tính từ ngày 24/4/2016 đến ngày 30/12/2016 và lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/11/2021; số tiền 27.500.000 đồng phải trả lãi từ ngày 01/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 30/11/2021 với mức lãi suất 1,5%/tháng; số tiền ngày 32.500.000 đồng phải trả lãi từ đến ngày xét xử sơ thẩm mới mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 14/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 30/11/2021 với mức lãi suất 1,5%/tháng. Tổng tiền lãi của 03 khoản nợ là hơn 70.000.000 đồng nhưng bà T chỉ yêu cầu ông C trả số tiền lãi là 70.000.000 đồng. Tổng cộng 164.580.000 đồng.

- Bị đơn ông Trần Văn C trong quá trình giải quyết vụ án, ông C đang sinh sống tại địa phương, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, đã chấp hành nghiêm túc quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về tố tụng: Đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Trần Văn C phải thanh toán cho bà Trương Thị Minh T số tiền là 94.580.000 đồng và lãi suất tính từ ngày nhận nợ của các khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 30/11/2021 với số tiền 70.000.000 đồng. Tổng cộng 164.580.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Văn C cư trú tại: Thôn 03, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong các ngày 24/4/2016; 09/10/2017; 14/5/2018 ông Trần Văn C xác nhận nợ mua bán phân bón đối với bà Trương Thị Minh T với tổng số tiền 94.580.000 đồng. Do đó quan hệ xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Ông Trần Văn C là bị đơn trong vụ án. Sau khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng ông Trần Văn C vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn C là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Trương Thị Minh T yêu cầu ông Trần Văn C phải thanh toán số tiền của các khoản nợ là 94.580.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận tính từ ngày nhận nợ của các khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 30/11/2021 với mức lãi suất với số tiền 70.000.000 đồng. Tổng cộng 164.580.000 đồng.

Khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền.”*

Vì phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”.

Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”.*

Tại các chứng cứ nhận nợ đều có chữ ký của ông Trần Văn C. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn C biết được Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng ông C vắng mặt không có lý do. Vì vậy ông C đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, yêu cầu của bà T yêu cầu ông Trần Văn C phải thanh toán số tiền 94.580.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Bà T yêu cầu ông Trần Văn C phải trả lãi suất cho từng khoản vay với tổng số tiền là 70.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng mua bán tài sản có kỳ hạn và có thỏa thuận trả lãi, lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, nhưng đến hạn ông C không trả tiền cho bà T nên ông C phải chịu lãi suất theo thỏa thuận của các bên. Theo đó, lãi suất được tính kể từ ngày nhận nợ theo quy định tại Điều 438, khoản 2 Điều 305; khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“2. Bên mua phải trả lãi, kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”

Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“2. Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”

Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...”

Như vậy, yêu cầu của bà T không vượt quá quy định của pháp luật được quy định tại Điều 438; Điều 305; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm hành chính nên có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của bà Trương Thị Minh T là có căn cứ nên chấp nhận.

Buộc ông Trần Văn C phải trả cho bà Trương Thị Minh T số tiền 164.580.000 đồng, trong đó 94.580.000 đồng gốc và 70.000.000 đồng tiền lãi.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận, vì vậy ông Trần Văn C phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 428; khoản 2 Điều 438; khoản 2 Điều 305; khoản 2 Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 351; Điều 357, Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm hành chính; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Minh T.

1. Buộc ông Trần Văn C phải thanh toán cho bà Trương Thị Minh T số tiền 164.580.000 đồng (*Một trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi nghìn*

đồng); trong đó 94.580.000 đồng (*Chín mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền gốc và 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) tiền lãi.

2. Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thủ tục thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bà Trương Thị Minh T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần Văn C không thi hành thì ông Trần Văn C còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Buộc ông Trần Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.229.000 đồng (*Tám triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn đồng*).

Hoàn trả bà Trương Thị Minh T số tiền 4.036.000 đồng (*Bốn triệu, không trăm ba mươi sáu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S theo biên lai số 0005335 ngày 26 tháng 4 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Tòa án niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- CCTHDS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Quách Trọng Sơn